TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/KDTM-ST
Ngày: 22/01/2021
V/v: Tranh chấp hợp
đồng cung cấp bê tông

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc

2. Bà Nguyễn Phước Trinh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 25/2020/TLST-KDTM ngày 24 tháng 8 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng cung cấp bê tông" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2020/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 385/2020/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Bê tông T; Địa chỉ trụ sở chính: Lô A, khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Có người đại diện theo pháp luật: Ông Yun Jang H, chức vụ: Tổng Giám đốc; *Có người đại diện theo ủy quyền:* 1/ Ông Nguyễn Thế Th- Giám đốc nhân sự; 2/ Ông Phạm Văn Tr -Nhân viên pháp chế; Cùng địa chỉ: Lô A, khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xây dựng và Cơ khí M; Địa chỉ trụ sở: Số 126/51/8, đường Huỳnh Minh M, ấp 4, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Minh Ph – Giám đốc; Địa chỉ: Số 126/51/8, đường Huỳnh Minh M, ấp 4, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 04/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 21/10/2017, Công ty Cổ phần Bê tông T (gọi tắt là "Công ty T) và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xây dựng và Cơ khí M (gọi tắt là (Công ty M) có ký hợp đồng kinh tế số HD-2110-2017 về việc Công ty T cung cấp bê tông cho Công ty M tại công trình nhà xưởng. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty T đã tiến hành cung cấp bê tông cho Công ty M với khối lượng là 75m^3, tổng số tiền là 80.250.000đ. Theo thỏa thuận, Công ty M phải có trách nhiệm trả số tiền 80.250.000đ cho Công ty T, tuy nhiên, sau nhiều lần nhắc nhở và đôn thốc, cho đến nay Công ty M vẫn chưa thanh toán số tiền trên.

Nay Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty M thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng cung cấp bê tông là 80.250.000đ. Yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp tại tòa để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bao gồm: Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Giấy ủy quyền, Bản sao chứng minh nhân dân người đại diện, Hợp đồng cung cấp bê tông, Bản đối chiếu khối lượng giao nhận bê tông, Bản kê phát sinh lãi trả chậm, Hóa đơn giá trị gia tăng, Bản đối chiếu công nợ và xác nhận công nợ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xây dựng và Cơ khí M đã được Tòa án tống đạt: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt Công ty M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp về hợp đồng cung cấp bê tông" được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 24 Luật Thương mại. Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xây dựng và Cơ khí M có trụ sở tại xã Đ, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

Bị đơn Công ty M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty M.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty M thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng cung cấp bê tông là 80.250.000đ. Yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trên.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Vào ngày 21/10/2017, Công ty T và Công ty M có thỏa thuận, ký hợp đồng kinh tế số HD-2110-2017, để Công ty T cung cấp bê tông cho Công ty M tại

công trình nhà xưởng. Thực hiện hợp đồng, Công ty T đã cung cấp bê tông cho Công ty M với khối lượng là 75m^3, tổng số tiền là 80.250.000đ. Giữa hai bên đã có biên bản đối chiếu khối lượng giao nhận, đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng và có biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ vào ngày 26/02/2018. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty M vẫn chưa thanh toán số tiền nợ trên cho Công ty T. Như vậy, có cơ sở xác định phía Công ty M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty T.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty M vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty M căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào Điều 24, Điều 50 của Luật Thương mại; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Xét cần buộc Công ty M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T số tiền 80.250.000đ, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Công ty M phải trả tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại: Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 24, Điều 50 của Luật Thương mại;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Bê tông T về việc yêu cầu Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xây dựng và Cơ khí M phải thanh toán số tiền nợ là 80.250.000đ (tám mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xây dựng và Cơ khí M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Bê tông T số tiền là 80.250.000đ (tám mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xây dựng và Cơ khí M có trách nhiệm trả lãi cho Công ty Cổ phần Bê tông T, với mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, kể từ ngày Công ty Cổ phần Bê tông T có đơn yêu cầu thi hành án.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[2] Án phí KDTM là 4.012.500đ (bốn triệu không trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xây dựng và Cơ khí M phải nộp.

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Bê tông T số tiền tạm ứng án phí 3.000.000đ (ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0084543 ngày 24/8/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hà Thị Xuân Lan